

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn và nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 122 đường T, tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 122 đường T, tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc các đương sự đó thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 24/10/1999; Lê Thị Uyển N, sinh ngày 26/7/2001; Lê Tâm N, sinh ngày 28/4/2006. Con Lê Thành Đ và Lê Thị Uyển N đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai bên thống nhất giao con Lê Tâm N cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 02/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

- *Về tài sản chung*: Hai bên thống nhất vợ chồng có một số tài sản chung,

tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết (anh chị đều có nguyện vọng tài sản chung sau này để lại cho các con).

Về nợ chung: Chị H, anh T thừa nhận có nợ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Q số tiền 90.000.000 đồng tiền gốc và lãi đến ngày 10/01/2022 là 320.548 đồng, khoản nợ này chưa đến hạn trả nên Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H, anh T yêu cầu Tòa án ghi nhận người trực tiếp trả nợ chung cho Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Q là anh Lê Văn T.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, anh Thuận phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Hai bên thỏa thuận giao chị H chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Số tiền án phí chị Nguyễn Thị H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 31AA/2021/0003769 ngày 02 tháng 12 năm 2021. Chị Huệ đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Hàm Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Châu